TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Vinh và ông Hoàng Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021; giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình; *Có đơn xin xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh Phạm Đình T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình; *Vắng mặt lần thứ 2*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2021, bản tự khai ngày 27/7/2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đình T đăng ký kết hôn vào ngày 28/5/2020 tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh Tuân tại thôn Đ, xã C được một thời gian thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn vì anh T là một người chồng vũ phu, thường xuyên đánh đập, ngược đãi chị. Vì vậy, chị phải bỏ về quê sinh sống tại xã Y từ tháng 6/2020 cho đến nay và không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung, tài sản chung: Chị T khai nhận vợ chồng không có con chung và không tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời ngày 17/8/2021, chị T có đơn trình bày với nội dung: Vì hoàn cảnh ở xa, việc đi lại khó khăn do tình hình dịch Covid 19 kéo dài, cũng như anh Tuân nhiều lần cố tình vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị (BL:40)

- *Đối với bị đơn anh Phạm Đình T:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T được biết việc chị T có đơn yêu cầu ly hôn, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã phối hợp với Công an xã C tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh T vào ngày 09/8/2021 và anh T đã ký nhận vào biên bản giao nhận các văn bản tố tụng trên (BL:31). Tuy nhiên, anh T vẫn cố tình vắng mặt và không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Do đó, Tòa án lập biên bản không thể hòa giải được và tiến hành thủ tục niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa tại nơi cư trú của anh Tuân đang sinh sống để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng không có lý do; nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ bản sao trích lục kết hôn số: 151/2020/TLKH-BS, ngày 02/10/2020 của Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình đã có đủ cơ sở xác định chị Đinh Thị T và anh Phạm Đình T đăng ký kết hôn vào ngày 28/5/2020 (BL: 03). Do đó, việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Xét lời khai của chị T về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T có tính vũ phu, thường xuyên đánh đập chị, nên các bên đã sống ly thân nhau và không ai còn quan tâm gì đến nhau. Bên cạnh đó, anh T đã biết chị T có yêu cầu ly hôn nhưng không có bất cứ ý kiến phản đối nào và cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đã thể hiện thái độ bỏ mặc của anh T đối với hạnh phúc gia đình. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng dẫn đến sống ly thân nhau trong một thời gian dài, đời sống hôn nhân trên thực tế của các đương sự không còn

tồn tại, tình cảm vợ chồng thực sự phai nhạt khó có thể hàn gắn,. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung: Nguyên đơn chị Th khai nhận vợ chồng không có con chung, tài sản chung và không yêu cầu giải quyết; bị đơn anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị T ly hôn anh Phạm Đình T.

2. Về con chung, tài sản chung: Không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000648 ngày 06/7/2021 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đương sự đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Y, huyện M;
(GCNKH số 12, ngày 28/5/2020)
- Các đương sự;
- Niêm yết;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trung Thành